

THÁI ĐỘ CỦA HỌC SINH ĐỐI VỚI MÔN HÓA HỌC TỪ GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN HÓA HỌC

ĐÀO THỊ HOÀNG HOA*

TÓM TẮT

Thái độ học tập đối với môn học của học sinh có thể là một trong những yếu tố quyết định đối với hiệu quả học tập môn học và sự lựa chọn môn học đó của học sinh trong kì thi Quốc gia. Bài viết này nhằm tìm hiểu thái độ của học sinh trung học phổ thông ở Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) hiện nay đối với môn Hóa học nhìn từ góc độ của giáo viên Hóa học. Nghiên cứu được tiến hành với 53 giáo viên Hóa học ở các trường trung học phổ thông vào tháng 3 năm 2015 ở TPHCM.

Từ khóa: thái độ, môn Hóa học, học sinh, giáo viên.

ABSTRACT

Students' attitude towards the subject Chemistry from the perspective of Chemistry teachers

Students' attitude towards a curricular subject can be one of determinants that influences learning performance and students' choice of that subject in the National Examination. This paper is to investigate high-school students' attitude towards the subject Chemistry from the perspective of Chemistry teachers in Ho Chi Minh City. The study was carried out with 53 high-school Chemistry teachers in March 2015 in Ho Chi Minh City.

Keywords: attitude, Chemistry, student, teacher.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết 29 Trung ương Đảng ra đời vào cuối năm 2013 đánh dấu sự chuyển mình của nền giáo dục Việt Nam theo hướng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục [1]. Từ đó đến nay đã có nhiều sự thay đổi diễn ra trong nền giáo dục nước nhà, đặc biệt là các thay đổi về kiểm tra đánh giá và thi cử. Các kì thi quan trọng nhất đối với học sinh trung học phổ thông là kì thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển sinh đại học đã có những mốc chuyển biến đáng ghi nhớ. Những lựa chọn mới về khối thi như A1 ra đời đã cung cấp thêm cho học sinh nhiều lựa chọn khi các em đăng kí thi vào đại học. Năm 2015 đánh dấu cột mốc quan trọng trong lịch sử thi cử khi Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Bộ) quyết định hợp nhất hai kì thi tốt nghiệp và kì thi tuyển sinh thành kì thi Quốc gia [2]. Số lượng môn thi cũng giảm xuống, từ 6 xuống còn tối thiểu 4 môn, trong đó 3 môn bắt buộc vẫn là Toán, Ngữ văn và Ngoại ngữ. Những môn còn lại giao cho học sinh quyền tự chọn chứ Bộ không còn quyết định như trước. [2]

Bối cảnh trên đã dẫn đến tỉ lệ học sinh chọn các môn để thi vào Đại học có sự thay đổi. Nếu như các năm trước, số lượng học sinh chọn khối A (bao gồm các môn

* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: hoadth@hcmup.edu.vn

Toán, Vật lí, Hóa học) chiếm tỉ lệ áp đảo thì những năm gần đây có vẻ giảm xuống và thay vào đó là khối A1 (bao gồm các môn Toán, Vật lí, Tiếng Anh). Như vậy có thể thấy rằng số lượng học sinh chọn môn Hóa học cũng có khả năng giảm.

Nghiên cứu cho thấy rằng thái độ học tập của học sinh đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả học tập bộ môn [8] và do đó có thể coi như là một trong những chỉ số dự báo cho sự lựa chọn môn thi của học sinh trong kì thi Quốc gia. Hơn nữa, hiểu được thái độ học tập của học sinh và nguyên nhân gây ra các thái độ đó có thể giúp giáo viên và các nhà quản lí điều chỉnh việc dạy học, góp phần nâng cao thái độ theo hướng tích cực và từ đó nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học Hóa học.

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm ba mục đích: *Thứ nhất*, tìm hiểu thái độ học tập của học sinh đối với môn Hóa học; *thứ hai*, xu hướng chọn môn Hóa học trong kì thi Quốc gia đầu tiên năm 2015 và *thứ ba*, mối liên quan giữa thái độ và xu hướng chọn môn trong thi cử.

2. Thái độ và tầm quan trọng của thái độ

2.1. Thái độ

Theo từ điển Tiếng Việt, thái độ là “cách để lộ ý nghĩ và tình cảm trước một sự việc, trong một hoàn cảnh, bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động” [6].

Theo Từ điển Tâm lí học do Nguyễn Khắc Viện chủ biên: “Thái độ là mặt biểu hiện bề ngoài của ý nghĩa, tình cảm đối với ai hay việc gì thông qua nét mặt, cử chỉ, hành động” [4].

Một định nghĩa rất phổ biến trong các nghiên cứu quốc tế về thái độ như sau: “Thái độ là một phản ứng mang tính chất đánh giá tích cực hay tiêu cực đối với một đối tượng nào đó (người, sự vật, hiện tượng, ý tưởng...), thể hiện qua suy nghĩ, cảm xúc hay hành vi dự định” [8].

Dù là định nghĩa theo cách nào thì cũng có thể thấy rằng thái độ là một khái niệm thuộc về phạm trù tâm lí học “cảm xúc”, giống như hứng thú hay giá trị. Nó có những sự khác biệt nhất định với phạm trù “suy nghĩ, nhận thức” hay “hành vi dự định”, mặc dù đôi khi nó cũng có những điểm trùng lặp với hai phạm trù này.

2.2. Thái độ đối với môn Hóa học

Thái độ luôn hướng đến một đối tượng nào đó. Theo Crano và Prislin (2006), “Khi chúng ta có một thái độ, chúng ta nhìn nhận một điều gì đó theo những khía cạnh về mặt cảm xúc, tốt hay xấu, có hại hay có lợi, dễ chịu hay khó chịu, quan trọng hay không quan trọng. Điều quan trọng là cần nhận thấy những đánh giá như vậy luôn luôn hướng về một cái gì đó, một điều gì đó, mà chúng ta gọi là đối tượng của thái độ” [5].

“Đối tượng” có thể ở bất cứ dạng nào hay là bất kì bản chất nào [5]. Trong nghiên cứu này, “đối tượng” được giới hạn ở những khía cạnh khác nhau của việc trải nghiệm quá trình học tập Hóa học chính khóa ở trường trung học, không phải là việc học Hóa học ngoại khóa cũng không phải là khoa học Hóa học ở trong cuộc sống thực.

Như vậy, đối tượng của thái độ được nghiên cứu là môn Hóa học ở trường trung học, và như vậy sẽ có nhiều khía cạnh đa dạng liên quan đến đối tượng này bao gồm chương trình, phương pháp dạy và học, giáo viên, kiểm tra đánh giá và thi cử liên quan đến môn Hóa học.

2.3. Tầm quan trọng của thái độ

Mở đầu bài tổng quan nghiên cứu về thái độ nổi tiếng của mình, Gardner đã nhấn mạnh tầm quan trọng của các cảm xúc của học sinh khi học các môn khoa học như niềm vui sướng, sự hào hứng, sự thỏa mãn, điều kì diệu và sự hạnh phúc [6]. Gardner nói rằng “sự phát triển của các năng lực nhận thức trong khoa học là chưa đủ, và cái đích cuối cùng của giáo dục khoa học cần phải bao gồm cả thái độ” [6].

Theo Reid (2008), sự phát triển về mặt thái độ rất quan trọng vì nó tác động đến các hành vi tương lai và chính các hành vi đó có thể sẽ có những ảnh hưởng quan trọng đến cá nhân và xã hội [8].

Koballa (1988) cho rằng động cơ để nghiên cứu về thái độ của học sinh đối với môn học là: (1) Thái độ tồn tại lâu dài, (2) Thái độ có thể học được và (5) Thái độ ảnh hưởng đến hành vi [7]. Do đó theo Koballa, các biến số về mặt “cảm xúc” cũng quan trọng như các biến số về mặt “nhận thức” trong việc ảnh hưởng đến kết quả học tập, sự lựa chọn nghề nghiệp và việc sử dụng thời gian rảnh rỗi của người học [7].

Trong một nghiên cứu quốc tế có quy mô lớn ở nhiều nước (kể cả nước phát triển và nước đang phát triển) về giáo dục khoa học có tên ROSE, Sjøberg & Schreiner (2007) nhận định “Thái độ là những mục tiêu học tập quan trọng cũng như chính là các yếu tố quyết định hành vi tương lai” [9].

Chính vì tầm quan trọng như vậy, phạm trù cảm xúc (bao gồm thái độ, hứng thú, giá trị) là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng và phổ biến trong cộng đồng nghiên cứu giáo dục khoa học quốc tế. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc nghiên cứu về thái độ của học sinh đối với môn Hóa học dường như không được chú trọng. Hầu như chưa có nghiên cứu hay bài báo khoa học nào trong nước viết về vấn đề này.

3. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp định tính với công cụ là phiếu hỏi gồm hai câu hỏi mở như sau:

Câu hỏi 1. Theo thầy/cô, hiện nay học sinh có thích môn Hóa học không? Tại sao?

Câu hỏi 2. Theo thầy/cô, số lượng học sinh chọn môn Hóa học để thi vào đại học năm nay tăng hay giảm? Tại sao?

Câu hỏi 1 tập trung tìm hiểu về thái độ của học sinh đối với môn Hóa học, cụ thể ở đây là “thích”, “ghét” môn Hóa học. Câu hỏi thứ 2 ra đời từ quan điểm cho rằng thái độ có ảnh hưởng đến hành vi [6,7,8]. Do đó, trong nghiên cứu này chúng tôi sẽ xem xét

một hành vi cụ thể của học sinh và kiểm chứng mối quan hệ của nó với thái độ, đó là xu hướng chọn môn trong kì thi Quốc gia.

Số lượng giáo viên Hóa học được hỏi là 53 người đến từ các trường trung học phổ thông ở TPHCM. Các giáo viên này là những người tham dự đăng kí chuyên đề “*Kết nối các kinh nghiệm thực tiễn với các thí nghiệm Hóa học đơn giản để nâng cao năng lực người học*” do Giáo sư Jurgen Becker đến từ Đại học Paderborn, Cộng hòa Liên bang Đức giảng dạy vào tháng 3 năm 2015 tại TPHCM. Thành phần của giáo viên đa dạng cả về loại hình trường công tác, giới tính, địa bàn và số năm công tác. Các loại hình trường bao gồm trường công lập, trường tư thục và trường quốc tế nằm khắp các quận huyện ở TPHCM. Số năm công tác của giáo viên biến thiên từ 1 năm đến thâm niên 30 năm.

Kết quả được xử lí cả về mặt định tính và định lượng để vừa thấy được xu hướng chung, vừa nắm bắt được các chi tiết bên trong các câu trả lời của giáo viên.

3.2. Kết quả và thảo luận

Các câu trả lời của giáo viên được tóm tắt dưới ba chủ đề tương ứng với ba mục đích nghiên cứu đặt ra ban đầu.

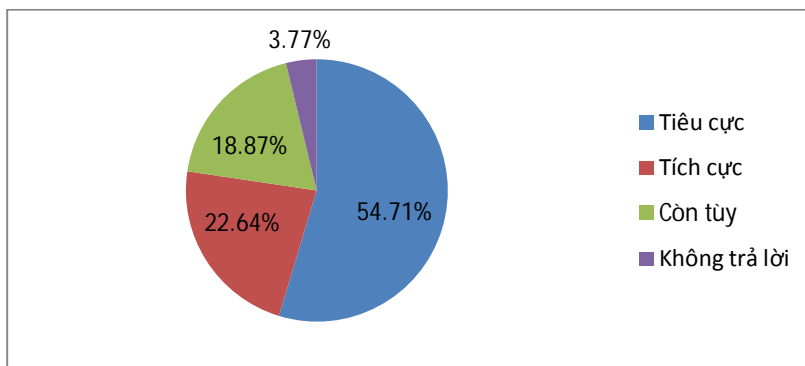
3.2.1. Thái độ của học sinh trung học phổ thông đối với môn Hóa học

Trong câu hỏi 1, thái độ được hỏi lên quan đến việc học sinh có “thích” hay “không thích” môn Hóa học. Tuy nhiên các câu trả lời của giáo viên về thái độ của học sinh lại khá đa dạng, cho nên chúng tôi phân thành 4 nhóm kết quả như sau:

- Giáo viên cho rằng học sinh có thái độ tích cực
- Giáo viên cho rằng học sinh có thái độ tiêu cực
- Giáo viên cho rằng việc thích hay không thích còn tùy thuộc vào hoàn cảnh.
- Giáo viên không trả lời.

Kết quả được biểu thị ở đồ thị sau:

Biểu đồ 1. Thái độ của học sinh đối với môn Hóa học



29/53 giáo viên (tỉ lệ 54,72%) cho rằng học sinh đang có những thái độ tiêu cực đối với môn Hóa học như “chưa thích”, “không thích”, “ít thích”, “giảm thích”, “không đam mê”, “không hứng thú”, “ngán học”, “ngại học” hay “sợ học” Hóa học.

Nguyên nhân chính mà các giáo viên đưa ra để lí giải cho thái độ tiêu cực này nằm ở ba khía cạnh. *Thứ nhất* là về chương trình học và phương pháp dạy học của giáo viên - lí do này chiếm đa số trong các câu trả lời của giáo viên. Chương trình Hóa học hiện nay nặng về hàn lâm và khó đối với học sinh. Chương trình quá tải về mặt kiến thức lí thuyết trong khi đó lại thiếu ứng dụng thực tế và thực hành thí nghiệm. Các bài tập Hóa học phi thực tế, nặng về tính toán, gắn với các con số, công thức, phương trình khó nhớ, phức tạp, mang nặng tính toán học, không gây được hứng thú cho học sinh. Hơn nữa học sinh chưa thấy được ý nghĩa của việc học môn Hóa học, chưa thấy được ích lợi của Hóa học trong cuộc sống. Học sinh học môn Hóa học là do sự bắt buộc của chương trình học và chương trình thi.

Lí do thứ hai khiến học sinh không thích học môn Hóa học, theo các giáo viên, là vì học sinh mất căn bản môn Hóa học từ năm cấp 2. Điều này khiến cho việc học Hóa học ở cấp 3 đối với học sinh trở nên khó khăn, và từ đó học sinh chán nản với môn Hóa học.

Khía cạnh thứ ba lí giải cho thái độ quay lưng với môn Hóa học của học sinh là sự đổi mới thi cử và lựa chọn ngành nghề. Sự ra đời của nhiều các khối thi mới bên cạnh khối truyền thống, nhất là A1 đã khiến học sinh không còn nhu cầu học Hóa học nữa. Hơn nữa giáo viên còn cho rằng các ngành nghề cần đến Hóa học chưa tạo được sự thu hút đối với học sinh (về lương, vị trí, phúc lợi)...

12/53 giáo viên (tỉ lệ 22,64%) nhận định học sinh có thái độ tích cực đối với môn Hóa học như “rất thích” hay “thích” Hóa học.

Những lí do mà giáo viên đưa ra để giải thích cho thái độ tích cực với môn Hóa học như sau:

Thứ nhất, Hóa học là môn khoa học thực nghiệm. Khi học Hóa học, học sinh được làm thí nghiệm và được quan sát các hiện tượng xảy ra, từ đó học sinh có hứng thú học tập môn học.

Thứ hai, khi dạy Hóa học, giáo viên có liên hệ kiến thức với thực tiễn, do đó học sinh thấy được sự ứng dụng của Hóa học trong cuộc sống.

Thứ ba, các môn khoa học tự nhiên vẫn phổ biến và được yêu thích hơn các môn khoa học xã hội ở Việt Nam.

10/53 giáo viên (tỉ lệ 18,87%) đưa ra những nhận định lưỡng tính, tức là có học sinh thích và không thích Hóa học tùy thuộc vào nhiều yếu tố về mặt phương pháp dạy học của giáo viên hay đặc điểm tâm lí và năng lực của học sinh; hoặc là học sinh “thích” Hóa học nhưng vẫn sợ hoặc bây giờ “thích” nhưng tương lai sẽ giảm.

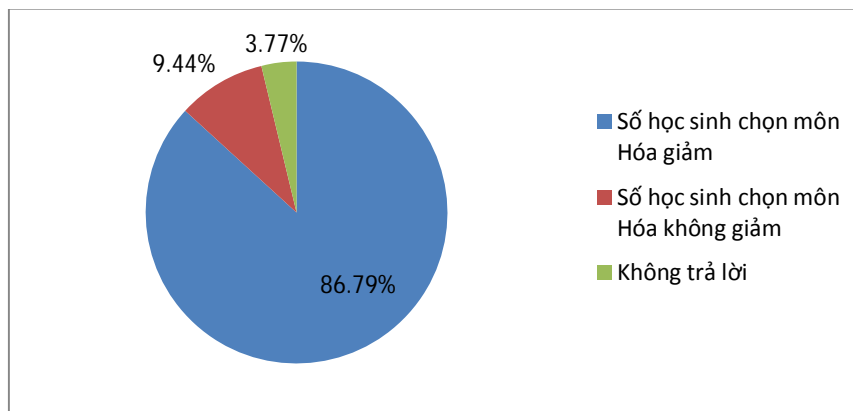
2/53 giáo viên (tỉ lệ 3,77%) không đưa ra câu trả lời.

Nói tóm lại, Hóa học là môn học vừa được yêu, vừa bị ghét. Nhưng tỉ lệ học sinh

không thích Hóa học vẫn nhiều hơn học sinh **thích** môn Hóa học nhìn từ góc độ giáo viên Hóa học. Đồng thời, lý do để học sinh thích môn Hóa học phụ thuộc nhiều vào phương pháp giảng dạy của giáo viên chẳng hạn học sinh sẽ thích Hóa học hơn khi giáo viên sử dụng thí nghiệm hay liên hệ thực tiễn trong dạy học.

3.2.2. Xu hướng chọn môn Hóa học trong kì thi Quốc gia

Biểu đồ 2. Xu hướng chọn môn Hóa học của học sinh trong kì thi Quốc gia



46/53 giáo viên (86,79%) nhận định rằng số học sinh chọn môn Hóa học trong kì thi Quốc gia giảm so với các năm trước. *Lí do chủ yếu* đã được trình bày ở phần (1). Cụ thể là, để xét kết quả tốt nghiệp, học sinh chỉ bắt buộc chọn ba môn Toán học, Ngữ văn và Ngoại ngữ nên chỉ cần thêm môn Vật lí là xét tuyển được hai khối A1 và D vào đại học. Học sinh không cần khối A nữa vì nhiều trường xét tuyển cả hai khối A hay A1. Hơn nữa một số trường đại học, nhất là khối ngành kinh tế không xét tuyển khối A nữa.

Thứ hai, đối với nhiều học sinh, môn Hóa học là môn học khó, kiến thức lại trải rộng khắp ba năm 10, 11, 12 do đó khó lấy điểm cao, vì thế học sinh không chọn.

Thứ ba, nhiều học sinh không thích Hóa học do đó không lựa chọn môn Hóa học để thi.

Trong khi đó, chỉ có **5/53 giáo viên (9,43%)** cho rằng số lượng học sinh chọn môn Hóa học trong kì thi Quốc gia “tăng” hay “không thay đổi” hay “không giảm nhiều” là vì giáo viên lập luận rằng khối A vẫn được ưa chuộng và khối B (bao gồm môn Toán học, Sinh học, Hóa học) là khối có tỉ lệ thí sinh dự thi khá ổn định.

2/53 giáo viên (3,77%) không trả lời câu hỏi này.

3.2.3. Mối liên hệ giữa thái độ với xu hướng chọn môn trong thi cử

Từ phần (1) và (3), có thể thấy rằng thái độ và xu hướng chọn môn có sự liên quan nhất định với nhau. Việc tuyển sinh theo phương cách mới có ảnh hưởng nhất định đến thái độ học tập môn Hóa học, và ngược lại thái độ học tập bộ môn như sự hứng thú, yêu thích, sự liên quan hay quan điểm về độ khó của môn học có tác động đến việc chọn môn Hóa học cho kì thi Quốc gia. Tuy nhiên, từ kết quả của nghiên cứu này chưa thể rút ra kết luận về độ mạnh của sự tương quan này, hoặc liệu còn biến số

thứ ba nào khác có ảnh hưởng đến sự tương quan này hay không. Muốn rút ra kết quả chính xác hơn cần phải tiến hành một nghiên cứu khác trên đối tượng học sinh ở quy mô rộng hơn.

4. Kết luận và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này cho thấy các giáo viên có các suy nghĩ thấu đáo về học sinh và về công việc giảng dạy Hóa học của bản thân. Hơn một nửa giáo viên được hỏi cho rằng học sinh không thích hoặc giảm thích môn Hóa học, và hầu hết giáo viên được hỏi nhận định số lượng học sinh chọn môn Hóa học trong kì thi Hóa học Quốc gia sẽ giảm. Những cuộc trao đổi phỏng vấn với giáo viên bên cạnh phiếu hỏi cho thấy một điều thú vị nhưng đáng trăn trở: Giáo viên nhận thấy học sinh không thích Hóa học phần lớn vì chương trình môn học có nhiều vấn đề như đã đề cập. Tuy nhiên, giáo viên vẫn không muốn thay đổi cách dạy vì chờ đợi những thay đổi từ trên xuống. Chúng tôi quan điểm rằng bất cứ sự thay đổi nào cũng khó khăn, có nhiều cản trở và mất nhiều thời gian. Tuy nhiên, để thay đổi thì cần phải có hai hướng tiếp cận: từ trên xuống (top down) và từ dưới lên (bottom up). Khi giáo viên có sự thay đổi về mặt tư tưởng thì những biến chuyển lớn lao từ phía quần chúng sẽ có ảnh hưởng nhất định về mặt chính sách từ trên xuống.

Nghiên cứu này sẽ là cơ sở quan trọng để chúng tôi tiến hành nghiên cứu tiếp theo rộng hơn trên đối tượng học sinh theo hướng định lượng để kiểm chứng độ chính xác và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu đã được trình bày trong bài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG VIỆT

1. Ban Chấp hành Trung ương, Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Phê duyệt phương án thi tốt nghiệp phổ thông và tuyển sinh đại học từ năm 2015*, Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT, Hà Nội
3. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
4. Nguyễn Khắc Viện (1995), *Từ điển Tâm lí học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
5. Crano, W. D., & Prislin, R. (2006), Attitudes and Persuasion. *Annual Review of Psychology*, 57, 345-374
6. Gardner, P. L. (1975), Attitudes to science: a review. *Studies in Science Education*, 2 (1), 1-41.
7. Koballa, J., T. R. (1988), Attitude and Related Concepts in Science Education. *Science Education*, 72 (2), 115-126.
8. Reid, N. (2006), Thoughts on attitude measurement, *Research in Science & Technological Education*, 24 (1), 3-27.
9. Sjøberg, S., & Schreiner, C. (2007), Reaching the minds and hearts of young people: What do we know about their interests, attitudes, values and priorities? What about the interest for space science? *International Space Science Institute*, Bern.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-4-2015; ngày phản biện đánh giá: 20-4-2015;
ngày chấp nhận đăng: 22-6-2015)

